

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KIM ĐỘNG  
TỈNH HUNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2022/HSST  
Ngày 13.12.2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM ĐỘNG, TỈNH HUNG YÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: bà Vũ Thị Liên và ông Trần Quốc Minh.

***- Thư ký phiên tòa:*** bà Phạm Thị Thơ - Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động tham gia phiên tòa:***  
bà Nguyễn Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 63/2022/TLST-HS ngày 28/10/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2022/QĐXXST-HS ngày 30/11/2022, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Phạm Văn S, sinh năm 1983; sinh trú quán: thôn M, xã N, huyện A, tỉnh Hưng Yên; nơi ở: thôn D, xã H, huyện T, tỉnh Hưng Yên; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; bố đẻ: Phạm Văn S (đã chết) và mẹ đẻ: Chu Thị T; Vợ: Trần Thị H (đã ly hôn); bị cáo có 01 con, sinh năm 2006 (tại phiên tòa bị cáo khai: bị cáo hiện nay đang chung sống với chị Bùi Thị T và có một con chung sinh năm 2021). Tiền sự, tiền án: chưa có. Nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2014/HSST ngày 12/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên và Bản án hình sự phúc thẩm số 133/2014/HSPT ngày 04/11/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên, xử phạt 05 năm tù, thời hạn tù kể từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 15/5/2014 về Tội chứa mại dâm (Giấy chứng nhận đặc xá ngày 01/12/2016 của Trại giam Nam Hà – Tổng Cục VIII). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/7/2022, chuyển tạm giam ngày 07/8/2022. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn S: ông Hoàng Đình L – Luật sư Văn phòng Luật sư 68 Hà Nội – Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội.

2. Họ và tên: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1989; sinh trú quán: thôn M, xã N, huyện K, tỉnh Hưng Yên; nơi ở hiện tại: thôn L, thị trấn L, huyện K, tỉnh Hưng Yên; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề

nghề: lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; bố đẻ: Nguyễn Văn M và mẹ đẻ: Phạm Thị H; vợ: Nguyễn Thị Thanh T; bị cáo có 02 con (con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2022). Tiền sự, tiền án: không có, bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/7/2022, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/8/2022. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Lê Thị H, sinh năm 1980; sinh trú quán: Xóm D, xã Y, huyện Y, tỉnh N; nơi ở hiện tại: Số 548 đường N, thị trấn V, huyện T, tỉnh Hưng Yên; giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 0/12; bố đẻ: Lê Văn L và mẹ đẻ: Trịnh Thị T; chồng: Trịnh Văn H (đã chết); bị cáo có 01 con, sinh năm 2005. Tiền sự, tiền án: không có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/7/2022, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/8/2022. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1963 (có mặt);

Trú tại: thôn M, xã N, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

+ Anh Đào Văn Q, sinh năm 1983 (có mặt);

Trú tại: thôn P, xã S, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

+ Anh Vũ Văn G, sinh năm 1974 (có mặt);

Trú tại: phố Q, khu T, thị trấn V, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

+ Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1976 (vắng mặt);

Trú tại: thôn T, xã L, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

+ Chị Hà Thị Đ, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Trú tại: Khu 2, xã N, huyện Y, tỉnh Phú Thọ.

+ Chị Đinh Thị T, sinh năm 1979 (vắng mặt);

Trú tại: khu T, xã N, huyện Y, tỉnh Phú Thọ.

+ Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1994 (vắng mặt);

Trú tại: thôn N, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

+ Ông Lê Tinh T, sinh năm 1972 (vắng mặt);

Trú tại: thôn C, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

+ Anh Hoàng Minh K, sinh năm 1989 (vắng mặt);

Trú tại: thôn C, xã Đồng T, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

+ Anh Trần Văn M, sinh năm 1985 (vắng mặt);

Trú tại: thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

+ Anh Cao Đình T, sinh năm 1992 (vắng mặt);

Trú tại: thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

- Người làm chứng:

+ Ông Đào Văn M, sinh năm 1962 (vắng mặt);

Trú tại: thôn L, thị trấn L, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

- Người chứng kiến:

+ Anh Ngô Văn M, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Trú tại: thôn L, thị trấn L, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Khoảng 12 giờ, ngày 28/7/2022, Lê Tinh T, Hoàng Minh K, Trần Văn M, cùng nhau ăn cơm trưa ở nhà hàng CR7 tại thôn L, thị trấn L, huyện K (chủ nhà hàng CR7 là bà Phạm Thị H). Nguyễn Văn Đ là con trai của bà H và làm việc tại nhà hàng CR7. Sau khi ăn cơm xong, cả 03 người cùng hỏi Đ có chỗ mỗi mua dâm không, gọi hộ để anh em giải trí. Đ đồng ý và thu của mỗi người 1.000.000 đồng, được tổng số tiền là 3.000.000 đồng. Sau đó K, Lê Tinh T, M đến nhà nghỉ HM tại thôn Lương Hội, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động (do Ngô Văn M làm chủ) thuê 03 phòng. K vào phòng số 202, M vào phòng số 203, Lê Tinh T vào phòng số 204. Sau đó M điện thoại báo cho Đ số của các phòng đã thuê. Trong lúc này, tại quán CR7, Đ sử dụng số điện thoại 0362710999 gọi nhiều lần đến số điện thoại 0967275893 của Phạm Văn S, nhưng không thấy S nghe máy nên Đ điều khiển xe ô tô, biển số 89A-192.97 của bà H đến quán cafe H của S tại thôn D, xã H, huyện T để tìm gặp S. Khi gặp S, Đ nói có khách nhờ gọi 03 đưa lên huyện Kim Động (ý Đ nói gọi 03 nhân viên nữ lên huyện Kim Động để bán dâm cho khách). Đ đưa cho S số tiền 1.300.000 đồng, S đồng ý, cầm tiền và nói chỉ có 02 nhân viên tại quán của S là Đinh Thị T và Hoàng Thị T. Đ bảo S gọi hộ 01 nhân viên nữa thì S gọi điện cho Lê Thị H là quản lý quán cafe phòng lạnh 548 tại số 548 đường N, thị trấn V, huyện Tiên Lữ (do Đào Văn Q, làm chủ quán) để mượn 01 nhân viên nữ bán dâm. H đồng ý và điều Hà Thị Đ. Sau khi có đủ 03 nữ nhân viên thì S gọi điện thoại cho anh Vũ Văn G, là lái xe taxi để chở 03 nữ nhân viên trên, trước khi đi Hoàng Thị T mang theo 03 bao cao su. Đ có nói với 03 nhân viên nữ đến phòng nghỉ số 202, 203, 204 của nhà nghỉ HM tại thôn Lương Hội, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động. Sau đó, anh G điều khiển xe ô tô, biển số 89A-104.36 chở Hoàng Thị T, Đinh Thị T, Đ đến nhà nghỉ HM tại huyện Kim Động, Đ điều khiển xe ô tô theo sau. Khi Hoàng Thị T, Đinh Thị T, Đ vào trong nhà nghỉ thì Đ điều khiển xe ô tô về nhà hàng CR7, còn anh G đỗ xe ô tô chờ các nữ nhân viên nhưng anh G cũng không biết 03 nữ nhân viên này đến nhà nghỉ trên làm

gì. Khi vào nhà nghỉ thì Hoàng Thị T đưa cho Định Thị T, Đ mỗi người 01 bao cao su. Đến 14 giờ 40 phút cùng ngày, Công an huyện Kim Động kiểm tra tại nhà nghỉ HM, phát hiện: Tại phòng số 202, K đang quan hệ tình dục với Định Thị T, thu giữ 01 vỏ bao cao su màu trắng có chữ Everest đã bị xé, 01 ruột bao cao su đã sử dụng và 01 điện thoại di động vỏ ngoài ghi dòng chữ TECNO SPARK màu xanh của Định Thị T; tại phòng số 203, M đang quan hệ tình dục với Đ, thu giữ 01 vỏ bao cao su màu trắng có chữ Everest đã bị xé, 01 ruột bao cao su đã sử dụng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu vàng đồng của Đ; tại phòng số 204, Lê Tinh T đang quan hệ tình dục với Hoàng Thị T, thu giữ 01 vỏ bao cao su màu trắng có chữ Everest đã bị xé, 01 ruột bao cao su đã sử dụng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu ViVo màu xanh của Hoàng Thị T. Tất cả đều khai nhận đang thực hiện hành vi mua dâm, bán dâm.

Ngày 29/7/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kim Động (dưới đây viết tắt là: Cơ quan điều tra) đã tiến hành khám xét khẩn cấp: Nơi ở của Nguyễn Văn Đ tại thôn Lương Hội, không thu giữ đồ vật, tài liệu gì; nơi ở của Phạm Văn S ở thôn Dung, xã Hưng Đạo, thu giữ tổng số 07 bao cao su chưa sử dụng tại phòng số 3 và số 4; nơi ở của Lê Thị H tại số 548 đường N, thị trấn V, thu giữ: tại đầu giường phòng số 3 (15 bao cao su); tại gầm giường phòng số 5 (05 bao cao su); tại gầm giường phòng số 6 (10 bao cao su); tại đầu giường phòng số 01 (02 quyển sổ tay bên trong ghi các chữ, số; 05 hộp bao cao su hiệu Doctor, bên trong mỗi hộp có 144 bao cao su; số tiền 20.200.000 đồng). Toàn bộ số bao cao su thu tại chỗ ở của S, Lê Thị H thì S và Lê Thị H, Q đều xác định số bao cao su này để các nữ nhân viên tại quán sử dụng khi khách đến mua dâm, bán dâm. Lê Thị H và Q đều xác định không biết 02 quyển sổ tay bên trong có ghi các chữ, số là của ai và không biết nội dung ghi bên trong sổ là gì. Lê Thị H và chị dâu Hoàng Thị H, đều xác định số tiền 20.200.000 đồng là của chị Hoàng Thị H gửi Lê Thị H giữ hộ, không liên quan đến việc phạm tội. Đ đã tự giao nộp số tiền 1.500.000 đồng, còn số tiền 200.000 đồng đã tiêu xài cá nhân hết, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng lắp sim số thuê bao 0362710999 và 01 xe ô tô biển số 89A-192.97 cùng bản phô tô giấy chứng nhận đăng kiểm của xe. S tự giao nộp số tiền 1.300.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu xanh – đen – hồng lắp sim số thuê bao 0967275893. Lê Thị H tự giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung màu bạc lắp sim số thuê bao 0973248922. Vũ Văn G giao nộp 01 điện thoại di động có dòng chữ Iphone S lắp sim số thuê bao 0327070135 và 01 xe ô tô biển số 89A – 104.36 (chiếc xe này, anh G thuê của anh Cao Đình T) cùng bản phô tô 01 giấy chứng nhận đăng ký và giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của xe ô tô này.

Quá trình điều tra, các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Phạm Văn S, Lê Thị H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Đối với hành vi của Trần Văn M, Hoàng Minh K, Lê Tinh T, Hà Thị Đ, Đinh Thị T, Hoàng Thị T đã thực hiện hành vi mua dâm, bán dâm trong nhà nghỉ HM, Công an huyện Kim Động đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các đối tượng này về hành vi mua dâm, bán dâm.

Đối với Đào Văn Q là chủ quán cafe phòng lạnh 548, không biết và không điều Hà Thị Đ đến bán dâm tại huyện Kim Động; Vũ Văn G là lái xe taxi chở Hà Thị Đ, Đinh Thị T, Hoàng Thị T đến huyện Kim Động nhưng không biết các nữ nhân viên này bán dâm; Ngô Văn M là chủ nhà nghỉ HM nhưng không biết Trần Văn M, Hoàng Minh K, Lê Tinh T thuê phòng nghỉ để thực hiện việc mua dâm, bán dâm với chở Hà Thị Đ, Đinh Thị T, Hoàng Thị T nên hành vi của Đào Văn Q, Vũ Văn G, Ngô Văn M đều không cấu thành tội phạm.

Đối với Ngô Văn M đã cho Trần Văn M, Hoàng Minh K, Lê Tinh T thuê phòng nhưng không thực hiện việc đăng ký lưu trú vào sổ nên Công an huyện Kim Động đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Ngô Văn M về hành vi này.

Đối với việc Đào Văn Q, Lê Thị H khai có hoạt động chứa mại dâm tại quán cafe phòng lạnh 548 và Phạm Văn S khai có hoạt động chứa mại dâm tại quán cafe H, đều xảy ra tại huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên, Cơ quan điều tra đã có công văn trao đổi thông tin về hành vi vi phạm pháp luật của các đối tượng này với Cơ quan điều tra huyện Tiên Lữ và được trả lời đã xác minh tại xã Hưng Đạo và thị trấn Vương chưa có hồ sơ liên quan đến vi phạm gì. Mặt khác, tại lời khai của S, Q, Lê Thị H đều xác định không nhớ thời gian, họ tên, địa chỉ của các khách đến mua dâm tại quán nên không có căn cứ để xử lý.

Về vật chứng: Đã làm rõ 01 xe ô tô biển số 89A - 104.36 là của anh Cao Đình T và 01 xe ô tô biển số 89A - 192.97 là của bà Phạm Thị H (hiện chiếc xe này, bà Phạm Thị H đang thế chấp tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – chi nhánh Hai Bà Trưng – Phòng giao dịch Kim Đồng. Ngân hàng có quan điểm chiếc xe này không sử dụng phạm tội thì trả lại cho bà Phạm Thị H để bà tiếp tục thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với việc thế chấp chiếc xe trên). Do vậy, Cơ quan điều tra đã trả lại anh Cao Đình T và bà Phạm Thị H.

01 điện thoại di động nhãn hiệu ViVo màu xanh của Hoàng Thị T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu vàng đồng của Hà Thị Đ; 01 điện thoại di động vỏ ngoài ghi dòng chữ TECNO SPARK màu xanh của Đinh Thị T; 01 điện thoại di động ghi chữ Iphone màu ghi bạc của anh G, đều không liên quan đến thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho các chị Hà Thị Đ, chị Đinh Thị T, chị Hoàng Thị T và anh G.

Tổng số tiền 23.000.000 đồng thu giữ của các bị cáo, Cơ quan điều tra đã nộp vào tài khoản tạm giữ của Công an huyện Kim Động tại Kho bạc Nhà nước huyện Kim Động.

Đã nhập kho vật chứng: 03 bao cao su đã sử dụng và 03 vỏ bao cao su có chữ Everest đã bị xé; 07 bao cao su chưa sử dụng thu tại quán cafe H của S; 30

bao cao su chưa sử dụng và 05 hộp bao cao su nhãn hiệu Doctor chưa sử dụng, bên trong mỗi hộp có 144 bao cao su, 02 quyển sổ tay có các chữ và số, thu tại quán cafe phòng lạnh 548 của Q; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung màu ghi bạc của Lê Thị H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu xanh – đen – hồng của S; 01 điện thoại di động ghi chữ Iphone màu vàng của ông Nguyễn Văn M (là bố đẻ của Đ) cho Đ mượn, không biết Đ sử dụng phạm tội.

Ngày 01/12/2022 Nguyễn Văn Đ đã nộp 200.000 đồng do phạm tội mà có tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động.

Cáo trạng số 64/CT-VKSKĐ ngày 27/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động đã truy tố Phạm Văn S và Nguyễn Văn Đ theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự; Lê Thị H theo quy định tại khoản 1 Điều 328 Bộ luật Hình sự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động trình bày luận tội: giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Phạm Văn S, Nguyễn Văn Đ và Lê Thị H về tội “Môi giới mại dâm” và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn S.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự; Điều 92 Luật Thi hành án hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ.

Áp dụng khoản 1 Điều 328; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự; Điều 92 Luật Thi hành án hình sự đối với bị cáo Lê Thị H.

Tuyên bố: bị cáo Phạm Văn S, Nguyễn Văn Đ và Lê Thị H phạm tội Môi giới mại dâm.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn S từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tính từ ngày tạm giữ 29/7/2022.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Văn Đ cho UBND xã N, huyện K, tỉnh Hưng Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Bị cáo Lê Thị H từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 (hai) năm đến 03 (ba) năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Lê Thị H cho UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Tịch thu sung ngân sách nhà nước: số tiền 1.700.000 đồng do Nguyễn Văn Đ và 1.300.000 do Phạm Văn S giao nộp; 01 điện thoại di động nhãn hiệu

Sam Sung màu ghi bạc của Lê Thị H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu xanh – đen – hồng của Phạm Văn S.

+ Trả lại: số tiền 20.200.000 đồng cho chị Hoàng Thị H; trả cho ông Nguyễn Văn M 01 điện thoại di động ghi chữ Iphone màu vàng.

+ Tịch thu tiêu huỷ 03 bao cao su đã sử dụng và 03 vỏ bao cao su có chữ Everest đã bị xé; 07 bao cao su chưa sử dụng thu tại quán cafe H của S; 30 bao cao su chưa sử dụng và 05 hộp bao cao su nhãn hiệu Doctor chưa sử dụng, bên trong mỗi hộp có 144 bao cao su; 02 quyển sổ tay có các chữ và số không liên quan đến việc phạm tội, thu tại quán cafe phòng lạnh 548 của Đào Văn Q.

- Bị cáo S không tranh luận.

- Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn S trình bày: ông Hoàng Đình L nhất trí với tội danh và điều luật Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo Phạm Văn S. Nhất trí quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Toà án áp dụng các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo S.

Ông L không đồng ý với nhận định trong bản Cáo trạng và quan điểm luận tội do đại diện Viện kiểm sát trình bày tại phiên toà về việc: Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố về vai trò, vị trí của bị cáo Phạm Văn S giữ vị trí, vai trò thứ nhất, bị cáo Nguyễn Văn Đ giữ vị trí, vai trò thứ hai và tại quan điểm luận tội Viện kiểm sát đánh giá vị trí, vai trò của bị cáo Phạm Văn S và Nguyễn Văn Đ ngang nhau là không đúng quy định của pháp luật. Giữa bản Cáo trạng và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhận định về vị trí, vai trò của bị cáo S là không nhất quán, không phản ánh đúng vị trí, vai trò của các bị cáo, chưa đánh giá đúng vị trí, vai trò của bị cáo Đ và bị cáo S. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên toà thì các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, bị cáo Đ là người khởi xướng nên Đ là người chủ mưu; bị cáo S là người tiếp nhận ý chí của bị cáo Đ, số tiền thu lợi bất chính của bị cáo S ít hơn của bị cáo Đ, bị cáo Đ mong muốn thực hiện tội phạm rất quyết liệt như đến tận quán của bị cáo S để bảo bị cáo S cho nhân viên đến điểm do Đ bố trí trước để bán dâm. Vì vậy, hành vi của bị cáo Đ có vị trí, vai trò thứ nhất; bị cáo S có vị trí, vai trò thứ hai. Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm về vị trí, vai trò của các bị cáo S, Đ là ngang nhau, thứ nhất nhưng lại đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo S cao hơn so với bị cáo Đ là chưa đúng. Ông L đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đánh giá đúng vị trí, vai trò của các bị cáo trong vụ án. Cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

- Bị cáo Nguyễn Văn Đ tranh luận:

+ Nhất trí với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

+ Luật sư bào chữa cho bị cáo Phạm Văn S cho rằng bị cáo là người khởi xướng, mong muốn phạm tội rất quyết liệt nên bị cáo gọi điện cho bị cáo S không được, bị cáo đã đến quán của bị cáo S, do vậy bị cáo S mới để hai nhân viên do mình quản lý và mượn thêm một nhân viên của quán do bị cáo H quản lý đi bán dâm theo yêu cầu của bị cáo. Luật sư đưa ra nhận định như trên là không đúng, bị cáo không nhất trí với quan điểm của luật sư.

Do vì nể khách ăn tại quán là khách quen của quán ăn do mẹ bị cáo là bà Phạm Thị H quản lý, nên khi ba người khách muốn mua dâm và nhờ bị cáo gọi hộ gái bán dâm. Bị cáo và bị cáo S có quen biết, bị cáo nghe có người nói quán bị cáo S có gái bán dâm, bị cáo đã gọi điện cho bị cáo S mục đích bảo bị cáo S điều cho ba nhân viên nữ đến bán dâm cho ba người khách đã nhờ bị cáo, do bị cáo S không nghe máy nên bị cáo mới đến tận quán của bị cáo S và nhờ bị cáo S cho ba nhân viên đi bán dâm. Thực chất bị cáo S vẫn thường xuyên cho nhân viên của mình bán dâm. Nếu bị cáo S từ chối thì bị cáo cũng không thể bắt bị cáo S cho nhân viên đi bán dâm được. Đây cũng là lần đầu tiên bị cáo gọi cho bị cáo S bảo bị cáo S cho nhân viên đi bán dâm. Khi bị cáo S điều ba nữ nhân viên đi khách, bị cáo S đã bảo bị cáo đưa 1.3000.000 đồng, bị cáo đã đưa cho bị cáo S số tiền trên, số tiền còn lại là 1.700.000 bị cáo có ý định sẽ trả lại cho ba người khách quen của bị cáo nhưng chưa kịp trả thì bị Cơ quan điều tra gọi đến làm việc nên bị cáo đã giao nộp số tiền lại tại Cơ quan điều tra. Sau khi phạm tội bị cáo rất ăn năn, hối hận vì hành vi phạm tội của mình. Người bào chữa cho bị cáo S cho rằng bị cáo là người khởi xướng, rủ rê lôi kéo lên bị cáo S mới cho nhân viên đi bán dâm nên phạm tội là không đúng.

- Bị cáo Lê Thị H không tranh luận.
- Những tham gia tố tụng khác không tranh luận.
- Đại diện Viện kiểm sát đối đáp với từng ý kiến của Luật sư đưa ra như sau:

- + Đối với ý kiến thứ nhất, Luật sư cho rằng bản Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố vị trí, vai trò của bị cáo S thứ nhất, bị cáo Đ giữ vị trí, vai trò thứ hai và tại luận tội, Viện kiểm sát đánh giá vị trí, vai trò của các bị cáo S và Đ ngang nhau, thứ nhất là không đúng quy định của pháp luật. Như vậy, giữa bản Cáo trạng và quan điểm luận tội là không nhất quán, không phản ánh và đánh giá đúng vị trí, vai trò của các bị cáo S, Đ.

Đại diện Viện kiểm sát không nhất trí với ý kiến này của Luật sư, vì bản Cáo trạng Viện kiểm sát quyết định truy tố các bị cáo S, Đ, H về tội danh, điểm, khoản theo Điều luật quy định. Còn việc sắp xếp S giữ vị trí, vai trò thứ nhất; Đ giữ vị trí, vai trò thứ hai được thể hiện tại phần nội dung của Cáo trạng mà trong quá trình điều tra được xác định. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa, Viện kiểm sát đã thay đổi quan điểm về vị trí, vai trò nêu trên đối với các bị cáo S, Đ là phù hợp và đánh giá đúng vị trí, vai trò của các bị cáo trong vụ án, đúng quy định pháp luật.

- + Đối với ý kiến thứ hai, Luật sư căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thì các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, bị cáo Đ là người khởi xướng nên Đ là người chủ mưu; bị cáo S là người tiếp nhận ý chí của bị cáo Đ, số tiền thu lợi bất chính của bị cáo S ít hơn của bị cáo Đ, bị cáo Đ mong muốn thực hiện tội phạm rất quyết liệt như đến tận quán của bị cáo S để bảo bị cáo S cho nhân viên đến điểm do Đ bố trí trước để bán dâm. Vì vậy, hành vi của bị cáo Đ có vị trí, vai trò thứ nhất; bị cáo S có vị trí, vai trò thứ hai.



Đại diện Viện kiểm sát nhất trí với quan điểm của Luật sư xác định các bị cáo S, Đ thực hiện tội phạm trong vụ án với vai trò đồng phạm giản đơn. Nhưng Luật sư ý kiến bị cáo Đ là người khởi sự nên Đ là người chủ mưu, đại diện Viện kiểm sát không nhất trí với ý kiến này, vì theo Điều 17 Bộ luật hình sự quy định người chủ mưu là người tổ chức, mà phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm. Trong vụ án này, các bị cáo S, Đ, H đều không có sự bàn bạc, thỏa thuận với nhau từ trước để thực hiện tội phạm. Do vậy, bị cáo Đ không là người chủ mưu, mà các bị cáo đều là người thực hành, trực tiếp thực hiện tội phạm. Bị cáo Đ, sau khi được Lê Tinh T, Hoàng Minh K, Trần Văn M nhờ Đ gọi hộ gái bán dâm và đưa tiền cho Đ, Đ đã gọi điện cho bị cáo S nhưng S không nghe máy, Đ đã đến quán của S bảo S cho ba nhân viên nữ đi bán dâm, S chỉ có hai nhân viên là Đinh Thị T, Hoàng Thị T nên S đã gọi cho Lê Thị H mượn một nhân viên nữ là Hà Thị Đ để đi bán dâm, S gọi taxi để chở ba nhân viên đi cùng Đ đến địa điểm bán dâm do anh Lê Tinh T, Hoàng Minh K, Trần Văn M bố trí. S trực tiếp nhận tiền từ Đ. Như vậy, Đ và S đều có hành vi làm trung gian dẫn dắt để K mua dâm, bán dâm với Đinh Thị T; Trần Văn M mua dâm, bán dâm với Hà Thị Đ; Lê Tinh T mua dâm, bán dâm với Hoàng Thị T nên bị cáo Đ và bị cáo S có vị trí, vai trò ngang nhau.

+ Đối với ý kiến thứ ba, Luật sư cho rằng đại diện Viện kiểm sát có quan điểm về vị trí, vai trò của các bị cáo S, Đ là ngang nhau, thứ nhất nhưng lại đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo S cao hơn so với bị cáo Đ là chưa đúng.

Đại diện Viện kiểm sát không nhất trí với ý kiến này của Luật sư, vì bị cáo Đ có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự gì, phạm tội lần đầu. Bị cáo S có nhân thân xấu, đã từng bị Tòa án xử phạt 05 năm tù về tội Chứa mại dâm (đã được xóa án tích), nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho mình để tự cải tạo mình là người có ích cho xã hội, mà bị cáo lại tiếp tục phạm tội mới nên đề nghị xử phạt bị cáo S mức án cao hơn bị cáo Đ và cách ly bị cáo S ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian là thỏa đáng, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

- Bị cáo nói lời sau cùng: các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng; vật chứng của vụ án và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ để kết luận: Hồi 14 giờ 40 phút, ngày 28/7/2022 tại nhà nghỉ HM thuộc thôn Lương Hội, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Phạm Văn S, Nguyễn Văn Đ đã dẫn dắt và làm trung gian dẫn dắt để Hoàng Minh K thực hiện việc mua dâm, bán dâm với Đinh Thị T tại phòng số 202; Trần Văn M thực hiện việc mua dâm, bán dâm với Hà Thị Đ tại phòng số 203; Lê Tinh T thực hiện việc mua dâm, bán dâm với Hoàng Thị T tại phòng số 204. Lê Thị H làm trung gian dẫn dắt để Hà Thị Đ thực hiện việc mua dâm, bán dâm với Trần Văn M. Tổng số tiền thu lời bất chính của Đ là 1.700.000 đồng, của S là 1.300.000 đồng. Hành vi của các bị cáo Phạm Văn S, Nguyễn Văn Đ và Lê Thị H nêu trên đã phạm vào tội Môi giới mại dâm. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động truy tố các bị cáo Phạm Văn S và Nguyễn Văn Đ về tội Môi giới mại dâm theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự; Lê Thị H về tội Môi giới mại dâm theo quy định tại khoản 1 Điều 328 Bộ luật Hình sự, là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Đối với hành vi của Trần Văn M, Hoàng Minh K, Lê Tinh T, Hà Thị Đ, Đinh Thị T, Hoàng Thị T đã thực hiện hành vi mua dâm, bán dâm trong nhà nghỉ HM, Công an huyện Kim Động đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các đối tượng này về hành vi mua dâm, bán dâm, là đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với Đào Văn Q là chủ quán cafe phòng lạnh 548, không biết và không điều Hà Thị Đ đến bán dâm tại huyện Kim Động; Vũ Văn G là lái xe taxi chở Hà Thị Đ, Đinh Thị T, Hoàng Thị T đến huyện Kim Động nhưng không biết các nữ nhân viên này bán dâm; Ngô Văn M là chủ nhà nghỉ HM nhưng không biết Trần Văn M, Hoàng Minh K, Lê Tinh T thuê phòng nghỉ để thực hiện việc mua dâm, bán dâm với Hà Thị Đ, Đinh Thị T, Hoàng Thị T nên hành vi của Đào Văn Q, Vũ Văn G, Ngô Văn M đều không cấu thành tội phạm.

Đối với Ngô Văn M đã cho Trần Văn M, Hoàng Minh K, Lê Tinh T thuê phòng nhưng không thực hiện việc đăng ký lưu trú vào sổ nên Công an huyện Kim Động đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Ngô Văn M về hành vi này, là đúng quy định của pháp luật.

Đối với việc Đào Văn Q, Lê Thị H khai có hoạt động chứa mại dâm tại quán cafe phòng lạnh 548 và Phạm Văn S khai có hoạt động chứa mại dâm tại quán cafe H, đều xảy ra tại huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên, Cơ quan điều tra đã có công văn trao đổi thông tin về hành vi vi phạm pháp luật của các đối tượng này với Cơ quan điều tra huyện Tiên Lữ và được trả lời đã xác minh tại xã Hưng Đạo và thị trấn Vương chưa có hồ sơ liên quan đến vi phạm gì. Mặt khác, tại lời khai của S, Q, Lê Thị H đều xác định không nhớ thời gian, họ tên, địa chỉ của các khách đến mua dâm tại quán nên không có căn cứ để xử lý.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, đạo đức xã hội, nếp sống lành mạnh văn minh, đời sống văn hoá, truyền thống và thuần phong mỹ tục của dân tộc, gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân và gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Các bị cáo đều là người đã thành niên, nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, bị pháp luật cấm nhưng các bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, cần xét xử tương xứng với tính chất, mức độ hậu quả mà các bị cáo đã thực hiện để giáo dục, cải tạo các bị cáo, đồng thời cũng là bài học phòng ngừa tội phạm.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo S, Đ, Lê Thị H được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là: Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Phạm Văn S và Nguyễn Văn Đ đã tự nguyện giao nộp toàn bộ số tiền do phạm tội mà có nên các bị cáo S và Đ được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo S có bố đẻ là ông Phạm Văn S được tặng thưởng huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước; bị cáo Đ có đơn xin được cải tạo tại địa phương và có xác nhận của địa phương nên các bị cáo S và Đ được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo H phạm tội lần đầu và thuộc thường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về nhân thân của các bị cáo: các bị cáo Lê Thị H, Nguyễn Văn Đ có nhân thân tốt. Bị cáo Phạm Văn S có nhân thân xấu, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2014/HSST ngày 12/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên và Bản án hình sự phúc thẩm số 133/2014/HSPT ngày 04/11/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên, xử phạt 05 năm tù, thời hạn tù kể từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 15/5/2014 về Tội chứa mại dâm (Giấy chứng nhận đặc xá ngày 01/12/2016 của Trại giam Nam Hà – Tổng Cục VIII).

[6]. Về hình phạt: căn cứ vào nhân thân, tình tiết tăng nặng và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò của các bị cáo. Xét thấy, các bị cáo là người thực hành, cùng thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn. Bị cáo Đ làm trung gian để 03 nữ nhân viên thực hiện việc mua dâm, trực tiếp nhận tiền từ người mua dâm và dẫn xe taxi chở 03 nữ nhân viên bán dâm đến địa điểm thực hiện việc mua dâm, bán dâm; bị cáo S dẫn dắt 03 nữ nhân viên thực hiện việc mua dâm, bán dâm trong đó có hai nữ nhân viên do S quản lý trực tiếp và nhận tiền từ Đ nên các bị cáo S và Đ giữ vị trí, vai trò thứ nhất.

Bị cáo H dẫn dắt 01 nữ nhân viên do bị cáo H trực tiếp quản lý thực hiện việc mua dâm, bán dâm nên giữ vị trí, vai trò thứ 2.

Bị cáo S là người có nhân thân xấu, đã từng bị Tòa án xử phạt 05 năm tù về tội Chứa mại dâm (đã được xoá án tích) nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho mình để tự cải tạo mình là người có ích cho xã hội mà bị cáo lại tiếp tục phạm tội mới nên cách ly bị cáo S khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có thể cải tạo bị cáo thành người công dân tốt. Bị cáo Đ và bị cáo H có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; bị cáo Đ có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo H có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do vậy, không cần thiết phải cách ly các bị cáo Đ và H khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo và giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú để giáo dục cũng đủ sức răn đe và cải tạo các bị cáo thành người công dân tốt.

[7] Về hình phạt bổ sung: tại khoản 4 Điều 328 Bộ luật Hình sự quy định: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Xét thấy, các bị cáo đều là lao động tự do, có thu nhập thấp không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Cơ quan điều tra đã làm rõ 01 xe ô tô biển số 89A - 104.36 là của anh Cao Đình T; 01 xe ô tô biển số 89A - 192.97 là của bà Phạm Thị H (hiện chiếc xe này, bà H đang thế chấp tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – chi nhánh Hai Bà Trưng – Phòng giao dịch Kim Đồng: Ngân hàng có quan điểm chiếc xe này không sử dụng phạm tội thì trả lại cho bà H để bà tiếp tục thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với việc thế chấp chiếc xe trên); 01 điện thoại di động nhãn hiệu ViVo màu xanh của chị Hoàng Thị T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu vàng đồng của chị Hà Thị Đ; 01 điện thoại di động vỏ ngoài ghi dòng chữ TECNO SPARK màu xanh của chị Đình Thị T; 01 điện thoại di động ghi chữ Iphone màu ghi bạc của anh G, đều không liên quan đến thực hiện hành vi phạm tội. Cơ quan điều tra đã trả lại anh T, bà H, chị Hà Thị Đ, Đình Thị T, Hoàng Thị T, anh Giáp là đúng quy định của pháp luật.

- Số tiền 20.200.000 đồng thu giữ tại nơi ở của Lê Thị H là tài sản của chị Hoàng Thị H. Số tiền này không sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho chị Hoàng Thị H.

- Số tiền 1.500.000 đồng do Nguyễn Văn Đ tự nguyện giao nộp tại Cơ quan điều tra và 200.000 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động là tiền bị cáo có được do phạm tội mà có nên tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- Số tiền 1.300.000 đồng do Phạm Văn S tự nguyện giao nộp tại Cơ quan điều tra là tiền bị cáo có được do phạm tội mà có nên tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- 03 bao cao su đã sử dụng và 03 vỏ bao cao su có chữ Everest đã bị xé; 07 bao cao su chưa sử dụng thu tại quán cafe H của Phạm Văn S; 30 bao cao su

chưa sử dụng và 05 hộp bao cao su nhãn hiệu Doctor chưa sử dụng, bên trong mỗi hộp có 144 bao cao su, thu tại quán cafe phòng lạnh 548 của anh Đào Văn Q, các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội và nhằm vào mục đích phạm tội, không có giá trị nên tịch thu cho tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Sam Sung màu ghi bạc của Lê Thị H; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Oppo màu xanh – đen – hồng của Phạm Văn S sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng ghi chữ Iphone màu vàng của ông Nguyễn Văn M (là bố đẻ của Đạ) cho Đạ mượn, không biết Đ sử dụng phạm tội nên trả lại cho ông M.

- 02 quyển sổ tay có các chữ và số, thu tại quán cafe phòng lạnh 548 của anh Đào Văn Q là tài liệu phục vụ cho việc điều tra vụ án nên tịch thu lưu hồ sơ vụ án.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn S.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 328 điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ.

Căn cứ khoản 1 Điều 328; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Thị H.

Tuyên bố: các bị cáo Phạm Văn S, Nguyễn Văn Đ và Lê Thị H phạm tội “Môi giới mại dâm”.

**Xử phạt:**

+ Bị cáo Phạm Văn S 03 (ba) năm tù, thời hạn tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 29/7/2022.

+ Bị cáo Nguyễn Văn Đ 03 (năm) tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Văn Đ cho UBND xã N, huyện K, tỉnh Hưng Yên, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

+ Bị cáo Lê Thị H 01 (năm) 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ

thẩm. Giao bị cáo Lê Thị H cho UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Về xử lý vật chứng: căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Trả lại chị Hoàng Thị Hiền số tiền 20.200.000 đồng
- Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 1.700.000 đồng của Nguyễn Văn Đ.
- Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 1.300.000 đồng của Phạm Văn S.
- Tịch thu tiêu huỷ 03 bao cao su đã sử dụng và 03 vỏ bao cao su màu trắng có chữ Everest đã bị xé thu tại nhà nghỉ MH; 07 bao cao su chưa sử dụng thu tại quán cafe H của Phạm Văn S; 30 bao cao su chưa sử dụng và 05 hộp bao cao su nhãn hiệu Doctor chưa sử dụng, bên trong mỗi hộp có 144 bao cao su thu tại quán cafe phòng lạnh 548 của anh Đào Văn Q.
- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu SAMSUNG màu ghi bạc của Lê Thị H; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Oppo màu xanh – đen – hồng của Phạm Văn S.
- Trả lại ông Nguyễn Văn M 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng ghi chữ Iphone màu vàng.
- Tịch thu lưu hồ sơ vụ án 02 quyển sổ tay có các chữ và số.

*(Tình trạng, đặc điểm vật chứng nêu trên được thể hiện theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 01/11/2022 giữa Công an huyện Kim Động và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động; Ủy nhiệm chi ngày 07/11/2022 giữa Công an huyện Kim Động và Kho bạc Nhà nước Kim Động; Biên lai thu tiền số AA/2021/0002634 ngày 01/12/2022 người nộp tiền Nguyễn Văn Đ).*

Về án phí: căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo S, Đ, H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, người có mặt tính từ ngày

tuyên án sơ thẩm, người vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh (Phòng KTNV & THA);
- VKSND huyện;
- Cơ quan điều tra và bộ phận HSNV Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Bị cáo; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ngọc Oanh**